

Số: 565 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, thị xã Bim Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận Danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2018;

Căn cứ Công văn số 5630/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 19/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cấp huyện;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thị xã Bim Sơn tại Tờ trình số 166/TTr-UBND ngày 22/01/2017;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 01/02/2018, kèm theo Báo cáo thẩm định số 12/BC-STNMT ngày 01/02/2018 về việc thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, thị xã Bim Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, thị xã Bim Sơn với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
Tổng diện tích			6.390,31
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.045,62
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.649,67
3	Đất chưa sử dụng	CSD	695,02

(Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo)

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	125,53
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	39,11
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>14,27</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	33,65
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	19,39
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	25,44
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	7,94
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		2,01

(Chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo)

3. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
Tổng cộng			93,43
1	Đất nông nghiệp	NNP	86,07
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7,36

(Chi tiết có phụ biểu số 03 kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
Tổng cộng			8,87
1	Đất nông nghiệp	NNP	3,45
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5,42

(Có phụ biểu chi tiết số 04 kèm theo)

5. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2018: Chi tiết theo phụ biểu số 05 đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi, triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định của UBND tỉnh; thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

- Chủ trì, phối hợp với UBND thị xã Bim Sơn để tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng tự nhiên, rừng ven biển theo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật và nội dung kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo đúng thời gian quy định.

2. Ủy ban nhân dân thị xã Bim Sơn

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật và nội dung, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nghiêm túc trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng hoặc đất có rừng tự nhiên, đất rừng ven biển để báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; đồng thời cân đối, huy động các nguồn lực để thực hiện đảm bảo tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả của kế hoạch sử dụng đất năm 2018.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định.

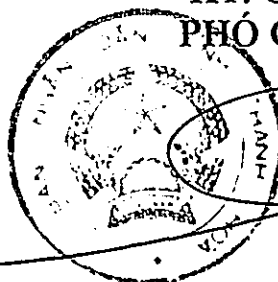
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN.
(MC22.02.18)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu số 02

KẾ HOẠCH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 THỊ XÃ BỈM SƠN
(Kèm theo Quyết định số: 565 /QĐ-UBND ngày 06 /02/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính							
				P. Bắc Sơn	P. Ba Đình	P. Ngọc Trạo	P. Lam Sơn	P. Đông Sơn	P. Phú Sơn	X. Quang Trung	X. Hà Lan
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	125,53	8,72	18,54	3,40	0,70	48,01	10,01	33,73	2,42
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	39,11					2,44	9,57	25,92	1,18
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>14,27</i>					<i>0,70</i>	<i>7,44</i>	<i>4,95</i>	<i>1,18</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	33,65	0,97	0,45	2,60		28,15	0,40	0,50	0,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	19,39	2,62	1,92	0,10	0,70	13,28	0,04	0,73	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN									
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN									
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	25,44	4,43	16,17	0,70		4,04		0,10	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	7,94	0,70				0,10		6,48	0,66
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN									
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN									
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		2,01	1,40				0,11		0,40	0,10
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN									
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP									
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS									
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU									
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS									
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU									
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR (a)									
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR (a)									
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR (a)									
2.10	Đất phi nông nghiệp không là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,01	1,4				0,11		0,4	0,1

KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2018, THỊ XÃ BÌM SƠN

(Kèm theo Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính				
				P. Bắc Sơn	P. Ba Đình	P. Đông Sơn	X. Quang Trung	X. Hà Lan
1	Đất nông nghiệp	NNP	3,45					3,45
1.1	Đất trồng lúa	LUA						
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS						
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,45					3,45
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5,42	0,01	0,20	3,39	0,40	1,42
2.1	Đất quốc phòng	CQP						
2.2	Đất an ninh	CAN						
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK						
2.4	Đất khu chế xuất	SKT						
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN						
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,09					1,09
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,18			3,18		
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,90		0,20		0,37	0,33
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT						
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA						
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,03				0,03	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,22	0,01		0,21		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC						
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS						
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON						
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD						
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX						
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH						
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV						
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN						
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON						
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC						
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018 THỊ XÃ BÌM SƠN, TỈNH THANH HÓA
 (Kèm theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Công trình, dự án	Diện tích thực hiện kế hoạch (ha)	Địa điểm
1	Công trình dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	104,58	
1.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	25,94	
1.1.1	Đất giao thông	15,42	
1	Mở rộng đường Phan Đình Phùng	0,27	Khu 2, P. Ngọc Trạo
2	Trạm dừng đỗ QL 1A	1,50	Khu phố 7, P. Bắc Sơn
3	Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Thị Xuân	0,02	P. Ba Đình
4	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Việt Xuân	0,15	P. Ba Đình
5	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Trỗi	0,14	P. Ba Đình
6	Mở rộng nâng cấp đường Trần Hưng Đạo	1,50	P. Ba Đình
7	Nâng Cấp mở rộng đường Lê Đại Hành và Nguyễn Gia Thiệu	0,20	P. Đông Sơn
8	Trạm dừng xe bus phường Lam Sơn và bãi trông giữ xe	0,40	P. Lam Sơn
9	Cải tạo đường thôn Liên Giang đi Xuân Nội	0,08	X. Hà Lan
10	Đường dẫn lên cầu vượt	0,92	X. Quang Trung
11	Mở rộng nút giao thông nối QL1A và đường Thanh Niên	0,20	X. Quang Trung
12	Nâng cấp đường Hoàng Diệu	0,04	Khu phố 2, P. Bắc Sơn
13	Dự án phát triển đô thị mới Nam Bim Sơn phường Phú Sơn (Giai đoạn 1 - Đất hạ tầng)	10,00	P. Phú Sơn
1.1.2	Đất thủy lợi	0,60	
1	Trạm bơm Triết Giang (Cổng ông Đầu)	0,60	Thôn Liên Giang, xã Hà Lan
1.1.3	Đất văn hóa	5,85	
1	Công trình phụ trợ TT hội nghị nhà văn hóa thị xã	4,65	P. Ba Đình
2	Trung tâm văn hóa xã Quang Trung	1,20	X. Quang Trung
1.1.4	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	3,12	
1	Mở rộng trường tiểu học, trung học cơ sở	2,20	Khu phố 2, P. Bắc Sơn
2	Mở rộng trường mầm non Bắc Sơn	0,10	Khu phố 5, P. Bắc Sơn
3	Mở rộng trường Mầm non Phú Sơn	0,50	P. Phú Sơn
4	Cải tạo trường mầm non khu lẻ thôn 2, xã Quang Trung	0,32	X. Quang Trung
1.1.5	Đất thể thao	0,45	
1	Đất thể thao trung tâm Phường Phú Sơn	0,45	P. Phú Sơn
1.1.6	Đất chợ	0,50	
1	Mở rộng chợ Đông Sơn	0,5	P. Đông Sơn
1.2	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,72	
1	Thực hiện dự án mở rộng đèn Chín Giếng (Bãi đỗ xe đèn Chín Giếng)	0,30	Khu phố 5, P. Bắc Sơn

TT	Công trình, dự án	Diện tích thực hiện kế hoạch (ha)	Địa điểm
2	Tu bổ tôn tạo đền Từ Thức	0,32	X. Quang Trung
3	Dự án trùng tu đền Cây Vải	0,10	P. Lam Sơn
1.3	Đất ở tại đô thị	13,17	
1	KDC Tây bãi Phím	0,70	Khu 12, P. Ngọc Trạo
2	Khu dân cư tây đường Lý Thường Kiệt	2,60	Khu 14, P. Ngọc Trạo
3	Xen kẹt hộ gia đình cá nhân phía nam khu phố 3	0,12	Khu 3, P. Ba Đình
4	Khu xen cư phía Đông Bệnh viện đa khoa phường Lam Sơn	1,18	Khu 4, P. Lam Sơn
5	Đất ở khu Đồng Găng	0,17	Khu 4, P. Phú Sơn
6	Khu dân cư khu bãi Giáo	0,11	Khu 5, P. Phú Sơn
7	Điểm dân cư khu ổ gà	0,04	Khu 5, P. Phú Sơn
8	Khu dân cư Đông QL 1A	1,40	Khu phố 4, P. Bắc Sơn
9	Khu DC Nam đường Hồ Tùng Mậu	0,50	Khu phố 9, P. Bắc Sơn
10	Xen kẹt hộ gia đình cá nhân đường Hồ Tùng Mậu, khu phố 9	0,01	Khu phố 9, P. Bắc Sơn
11	Mở rộng khu tái định cư Nam đường Hồ Tùng Mậu	1,2	Khu phố 9, P. Bắc Sơn
12	Xen kẹt hộ gia đình, cá nhân đường Lê Chí Trực nối thẳng xuống	0,07	P. Ba Đình
13	Khu dân cư Bắc Khu phố 2, phường Ba Đình	0,70	P. Ba Đình
14	Dự án khu xen cư trạm y tế mới đường Nguyễn Đức Cảnh	0,48	P. Ba Đình
15	Khu xen cư Đồi Mơ, phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn	0,32	P. Đông Sơn
16	QH KDC phía nam đường Minh Khai, phường Đông Sơn	3,57	P. Đông Sơn
1.4	Đất ở tại nông thôn	34,26	
1	Khu dân cư phía Nam đường Thanh Niên	0,82	X. Quang Trung
2	Khu dân cư thôn 4	0,06	X. Quang Trung
3	Khu dân cư phố chợ - Tây nội thị số 2, Tây quốc lộ 1A, xã Quang	24,00	X. Quang Trung
4	QH Khu dân cư Nam đồi Bim	7,98	X. Quang Trung
5	Điểm xen cư thôn Xuân Nội (đường Hàm Long, Bim Sơn - Nga	0,061	X. Hà Lan
6	Khu xen kẹt thôn Đoài	0,041	X. Hà Lan
7	Khu xen kẹt thôn Diên Lư (đổi diện Trạm y tế mới)	0,057	X. Hà Lan
8	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư thôn Diên Lư (phía Tây đường Bim Sơn đi Hà Thanh)	0,79	X. Hà Lan
9	Khu xen kẹt phía Nam nhà ông Vũ Đức Thanh (thôn Diên Lư)	0,15	Thôn Diên Lư, xã Hà Lan
10	Khu xen kẹt phía Tây đường Khu dân cư thôn Diên Lư	0,08	Thôn Liên Giang, xã Hà Lan
11	Khu xen kẹt thôn Xuân Nội (áp đường Liên Thôn Liên Giang - Xuân Nội)	0,08	Thôn Xuân Nội, xã Hà Lan
12	Khu dân cư phía Nam đường Hoàng Minh Giám - Bim Sơn đi Nga Sơn, thôn Diên Lư, xã Hà Lan	0,041	Thôn Liên Giang, X. Hà Lan
13	Điểm xen cư thôn Diên Lư, xã Hà Lan (đường Hoàng Minh Giám, Bim Sơn - Nga Sơn)	0,100	xã Hà Lan
1.6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	10,00	
1	Nghĩa trang nhân dân	10,00	P. Đông Sơn
1.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,30	
1	Mở rộng nhà văn hóa khu 5	0,1	Khu phố 5, P. Bắc Sơn
2	Mở rộng nhà văn hóa thôn 5, thôn 3	0,2	X. Quang Trung
1.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	20,19	

TT	Công trình, dự án	Diện tích thực hiện kế hoạch (ha)	Địa điểm
1	Khu vui chơi giải trí tại khu 5 P. Đông Sơn	0,49	Khu 5, P. Đông Sơn
2	Dự án công viên sinh thái Ba Đình	17,30	P. Ba Đình
3	Khu trung tâm vui chơi, giải trí và thể thao Tân Sơn	1,65	P. Đông Sơn
4	Khu luyện tập thể dục thể thao và vui chơi giải trí thiếu nhi	0,75	P. Phú Sơn
2	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn, bằng quyền sử dụng đất	50,54	
2.1	<i>Đất nông nghiệp khác</i>	<i>4,10</i>	
1	Dự án Trang trại chăn nuôi lợn, nuôi trồng thủy sản và trồng cây cảnh, cây dược liệu	4,10	X. Hà Lan
2.2	<i>Đất thương mại dịch vụ</i>	<i>7,27</i>	
1	Khu tổ hợp dịch vụ thương mại tổng hợp Tiên Nam	0,75	Khu phố 7, P. Bắc Sơn
2	Khu văn phòng giao dịch và lắp ráp phụ tùng xe đạp	0,78	Khu phố 5, P. Bắc Sơn
3	Mở rộng dự án khu tổ hợp thương mại và kinh doanh xây dựng Hoàng Long	1,10	P. Đông Sơn
4	Cửa hàng xăng dầu số 4	0,20	P. Đông Sơn
5	Xây dựng cửa hàng xăng dầu và khu thương mại dịch vụ	0,70	X. Quang Trung
6	Khu dịch vụ thương mại Tây Nam cầu Đa nam	2,00	Thôn Liên Giang, X. Hà
7	Quầy bán thực phẩm sạch	0,03	P. Phú Sơn
8	Quầy bán thực phẩm sạch	0,01	X. Quang Trung
9	Quầy bán thực phẩm sạch	0,01	Thôn Liên Giang, X. Hà
10	Trung tâm khách sạn và dịch vụ thương mại Lam Ngọc	0,04	P. Ngọc Trạo
11	Khu dịch vụ thương mại vật liệu xây dựng Quyết Cường tại xã Quang Trung, thị xã Bim Sơn	0,61	Quang Trung
12	Quầy bán thực phẩm sạch	0,26	Khu Cỏ Đam, P. Lam Sơn
13	Khu thương mại dịch vụ Nam đường Hồ Tùng Mậu	0,20	Khu phố 9, P. Bắc Sơn
14	Khu trung tâm thương mại dịch vụ phường Lam Sơn	0,58	Khu 2, P. Lam Sơn
2.3	<i>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp</i>	<i>37,79</i>	
1	Bãi tập kết vật liệu xây dựng - Công ty xi măng Long Sơn	12,40	P. Đông Sơn
2	Nhà máy bao bì xi măng Long Sơn	5,00	P. Đông Sơn
3	Nhà máy sản xuất gạch không nung CIC Việt Nam	1,50	P. Đông Sơn
4	Dự án nhà máy sản xuất gạch tuynel Ba Lan độ rộng cao	7,00	P. Đông Sơn
5	Xưởng nhiệt dư kết hợp nhiệt điện Long Sơn tại phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn	4,30	P. Đông Sơn
6	Trung tâm tiêu thụ xi măng Long Sơn	3,30	P. Đông Sơn
7	Mở rộng khai trường làm bãi tập kết xe, phương tiện và bãi chứa đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng Công ty TNHH Long Sơn	3,18	P. Đông Sơn
8	Nhà máy sản xuất gạch không nung tại phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn	1,11	P. Lam Sơn
2.4	<i>Đất sản xuất vật liệu xây dựng</i>	<i>1,38</i>	
1	Khu khai thác đất Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bim Sơn	1,38	P. Bắc Sơn